

ĐC 595.78  
C 101 L

Rhône-Alpes Région



# CÁC LOÀI BƯỚM RỪNG TÂN PHÚ

TRẦN PHI HÙNG - TRƯƠNG VĂN SINH

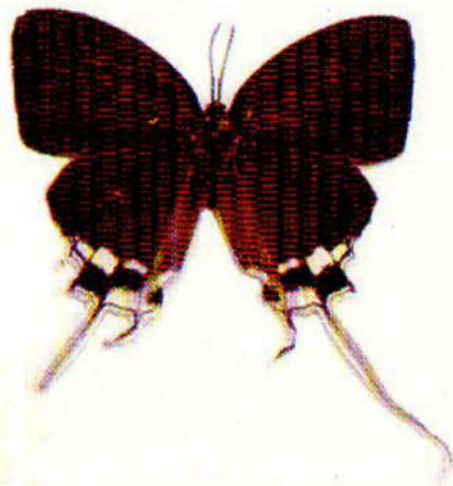


NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI - 2008

SÁCH HƯỚNG DẪN

595.78  
C 101 L

# CÁC LOÀI BƯỚM RỪNG TÂN PHÚ



TRẦN PHI HÙNG - TRƯƠNG VĂN SINH

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI  
SÁCH TẶNG

2021/ĐCIVV

001741

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI - 2008

11.490X

# CÁC LOÀI BƯỚM RỪNG TÂN PHÚ

**TRẦN PHI HÙNG - TRƯƠNG VĂN SINH**

---

Chịu trách nhiệm xuất bản

**BÙI QUANG HUY**

Biên tập

**DƯƠNG TẤN BỬU**

Trình bày, chế bản

**TÁC GIẢ**

Sửa bản in

**THIÊN VĂN**

---

In 1000 bản. Khổ 14,5 x 20,5cm. In tại: Cty TNHH 2 Phước

Số đăng ký KHXB: 149-2008/CXB/01-05/ĐoN, Cục Xuất bản cấp ngày: 21/02/2008. Quyết định xuất bản số: 77/QĐ-ĐoN do NXBTH Đồng Nai cấp ngày: 19/03/2008. In xong và nộp lưu chiểu: Quý II năm 2008.

---

Nhà xuất bản Tổng hợp **ĐỒNG NAI**, 210 Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hòa, Đồng Nai.

Ban Biên tập: 061.3825292 - Phòng Kinh doanh: 061.3946521 - 061.3946520

Ban Giám đốc: 061.3946529 - 3822613 - FAX: 061.3946530

Email: [nxbdongnai@hcm.vnn.vn](mailto:nxbdongnai@hcm.vnn.vn)

Sách hướng dẫn về các loài bướm tại Lâm trường Tân Phú là kết quả của sự hợp tác giữa vùng Rhône-Alpes và tỉnh Đồng Nai.

Ce guide d'identification des papillons de la ferme forestière de Tan Phu est le fruit de la coopération entre la Région Rhône-Alpes et la province de Dong Nai.

**Rhône-Alpes** Région



Quyển sách này được thực hiện bởi đề xuất của Trường Đại học Lyon 1 với sự tham gia của Trường Đại học Khoa học tự nhiên Tp HCM.

Il a été réalisé sur l'initiative de l'Université de Lyon 1 avec l'implication de l'Université des Sciences Naturelles de Ho Chi Minh Ville.



# MỤC LỤC

|   |     |
|---|-----|
| Lời tác giả   | 5   |
| Lời mở đầu  | 6   |
| Sinh học của bướm                                     | 7   |
| Phương pháp thu thập và thực hiện tiêu bản (mẫu) bướm | 9   |
| Phương pháp lưu trữ tiêu bản                          | 10  |
| Sơ lược về Lâm trường Tân Phú                         | 11  |
| Mô tả   | 13  |
| Họ Papilionidae                                       | 14  |
| Họ Pieridae   | 34  |
| Họ Danaidae   | 44  |
| Họ Nymphalidae  | 56  |
| Họ Satyridae  | 89  |
| Họ Amathusiidae                                       | 95  |
| Họ Lycaenidae   | 97  |
| Phụ lục hình ảnh                                      | 114 |
| Bảng tra cứu  | 115 |
| Tài liệu tham khảo                                    | 120 |

## LỜI TÁC GIẢ

Chúng tôi chân thành cảm ơn các tổ chức và cá nhân đã giúp đỡ để thực hiện quyển sách này:

- ◆ Đặc biệt đối với vùng Rhône – Alpes đã tài trợ kinh phí; tỉnh Đồng Nai và Lâm trường Tân Phú đã tạo thuận lợi cho chúng tôi trong quá trình thực hiện khảo sát; Trường Đại học Khoa học tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu, phân tích và bảo quản mẫu.
- ◆ Ts. Jérôme Millet và Ths. Trần Ninh đã giúp hiệu đính các thông tin thực vật cho chúng tôi hoàn thành công trình này.
- ◆ Các đồng sự đã cung cấp một số hình ảnh thực địa cũng như đã tạo thuận lợi cho chúng tôi trong việc chụp hình mẫu vật tại phòng thí nghiệm.

Cuốn sách hướng dẫn Các loài bướm thường gặp tại Lâm trường Tân Phú là kết quả nghiên cứu nghiêm túc, bền bỉ và tâm huyết của các tác giả.

Chúng tôi hy vọng quyển sách này sẽ là một cuốn sách thực địa có ý nghĩa, có ích cho sinh viên, khách du lịch... trong việc nhận diện và biết đến tính đa dạng sinh học của bướm rừng Việt Nam, cũng như một tài liệu chuyên ngành phục vụ nhu cầu nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập của sinh viên ngành Sinh học trong việc đi khảo sát thực địa hàng năm".

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong lớp côn trùng, bướm và ngài là những côn trùng rất dễ gây sự chú ý của con người. Nhất là bướm, với màu sắc sặc sỡ – xuất hiện mọi nơi – mọi lúc – dễ thu thập.

Có một sự khác biệt quan trọng giữa hai nhóm này:

- ✦ Bướm: Cơ thể thon dài, có râu hình sợi, ngọn râu phình to thành chùy (râu dạng chùy). Hoạt động chủ yếu ban ngày.
- ✦ Ngài: Cơ thể thường phình to. Râu hình sợi không có chùy ở ngọn hoặc có hình lông vũ và thường hoạt động vào ban đêm.

Trong tập tài liệu này, chúng tôi chỉ đề cập đến bướm với một số loài thường gặp tại Lâm trường Tân Phú – Đồng Nai. Số bướm được trình bày tập trung trong 7 họ (Papilionidae, Pieridae, Danaidae, Nymphalidae, Satyridae, Amathusiidae, Lycaenidae). Đây là những họ bướm có màu sắc hoặc hình dáng đẹp. Chúng tôi cũng không đề cập đến họ Hesperidae – Skippers do nhiều loài có kích thước nhỏ và màu sắc thường không nổi bật.



## SINH HỌC CỦA BƯỚM

### 1. Chu kỳ đời sống:

Bướm biến thái hoàn toàn. Chu kỳ đời sống trải qua các giai đoạn.

✦ Giai đoạn trứng: Trứng được bướm cái đẻ trên lá của cây lương thực (cây chủ). Mỗi loài sâu của bướm chỉ sử dụng một loại cây chủ duy nhất hay vài cây có cùng họ hoặc các họ gần với nhau, điều này có liên quan mật thiết đến thành phần hoá học của cây chủ.

✦ Giai đoạn sâu: Sâu nở từ trứng – cơ thể thon dài – mang 3 đôi chân ngực và 5 đôi chân bụng. Ở giai đoạn này, sâu di chuyển chủ yếu bằng chân bụng. Sâu sử dụng cây chủ làm thức ăn. Sâu lột xác vài lần (3 – 4 lần), kích thước tăng dần – cuối cùng hoá nhộng.

✦ Giai đoạn nhộng: Nhộng của bướm thuộc loại nhộng màng. Cơ thể được

bọc trong một màng mỏng. Ở thời gian cuối, màng trong suốt, có thể thấy được cơ thể của bướm xếp gọn bên trong. Nhộng sống tiềm sinh, khi có điều kiện thích hợp – nhộng xé rách màng bọc – bướm chui ra khỏi nhộng.

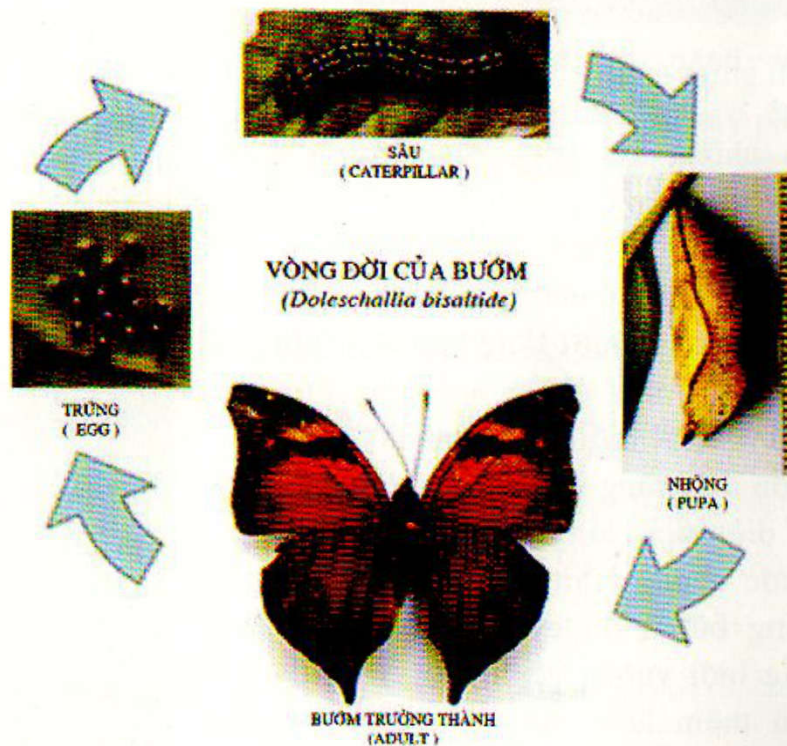
✦ Giai đoạn bướm: Một thời gian ngắn, khi cánh bướm đã khô, bướm sẽ bay kiếm thức ăn và bắt đầu giao phối. Thức ăn của bướm là mật hoa. Sau khi giao phối, bướm cái tìm cây chủ và bắt đầu đẻ trứng. Thời gian đẻ trứng có thể kéo dài vài ngày.

### 2. Nuôi sâu:

✦ Đôi khi chúng ta cũng có thể thu thập các dạng trước trưởng thành của bướm, tiếp tục nuôi và cuối cùng sẽ được các mẫu bướm nguyên vẹn.

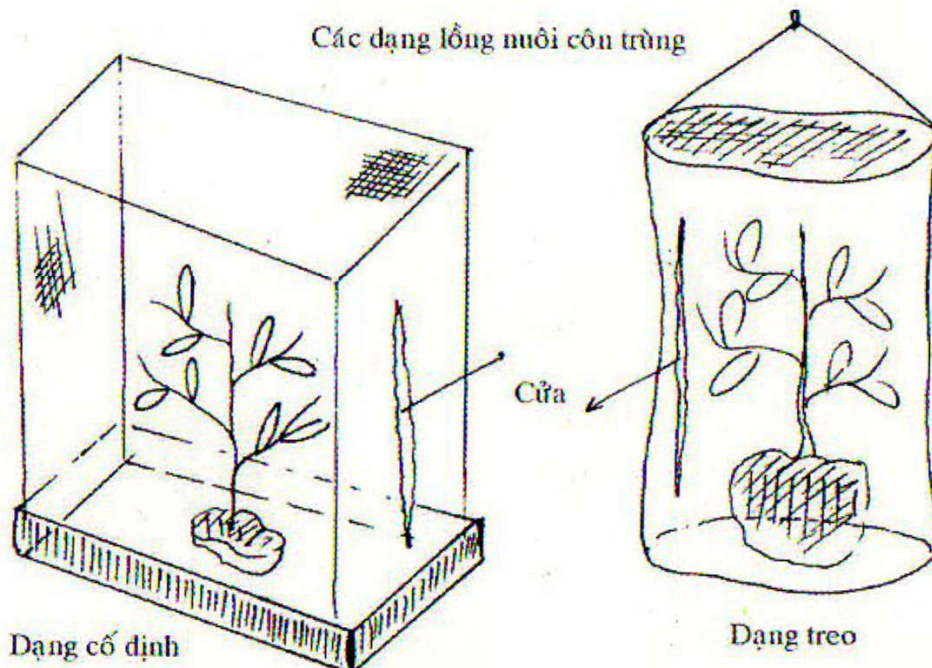
Lưu ý: Trứng và sâu thu thập được trên cây nào, đó chính là cây chủ của bướm. Còn cây có nhộng thì không chắc chắn là cây chủ.

✦ Để có thức ăn cho sâu, ta có thể đem cả cây (cây nhỏ) có trứng và sâu về trồng trong các lồng lưới. Hoặc cắt những đoạn cành lá có chứa trứng-sâu, trường hợp này





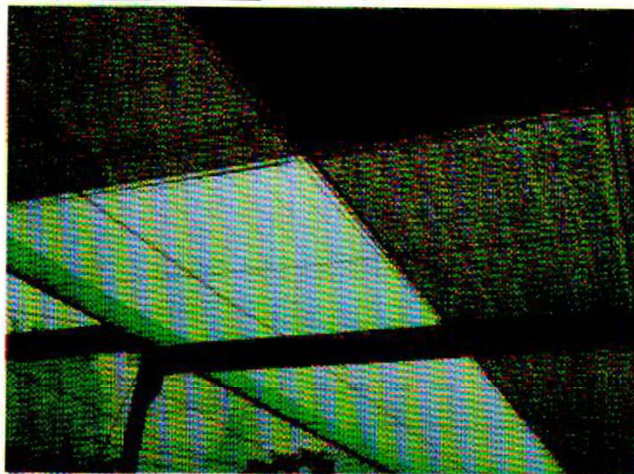
nên để cây trong các hộp kín tránh làm cây bị héo nhanh, phải thay lá mới và tẩy phân (hoặc sang qua các hộp mới). Sâu sẽ hoá nhộng, nhộng có thể gắn trên cành cây hoặc thành hộp – nắp hộp. Do nhộng không cần cung cấp thức ăn nên ta có thể



tập trung nhiều nhộng vào một nơi và chờ cho chúng nở.

### 3. Tổ chức một lồng bướm (những điều kiện tối thiểu):

✦ Ngày nay nhiều quốc gia trên thế giới đã thực hiện loại hình này trong các vườn thú, công viên. Tùy theo khả năng về diện tích, lồng bướm có thể có kích thước ngang 50m, dài 100m, cao 10m. Lồng bướm được phủ bằng lưới đan, mắt lưới vuông cạnh 2cm. Nóc có thể phủ thêm lưới che râm (lưới che cho vườn lan - hình). Quanh lồng có cây cao để che bớt gió.



✦ Trong lồng ít nhất phải có:

✦ Cây chủ cho sâu của loại bướm được thả (nuôi).

✦ Cây có hoa, hoặc nhiều cây cho hoa xen kẽ suốt năm, chọn cây có hoa nhỏ – chùm – hình ống – có màu sắc sặc sỡ càng tốt (hình bên).

✦ Phải có vài chỗ ẩm ướt để bướm có thể đậu nghỉ hoặc sử dụng nước.

✦ Và cuối cùng, một điều không thể thiếu được là người phụ trách lồng bướm phải có kiến thức về loài bướm được nuôi trong lồng.



## PHƯƠNG PHÁP THU THẬP VÀ THỰC HIỆN TIÊU BẢN (MẪU) BƯỚM

### 1. Thu thập:

+ Bướm được bắt bằng vợt. Vợt bướm có khung tròn bằng kẽm, đường kính thay đổi từ 35cm – 50cm. Túi lưới may bằng vải tuyn mỏng – chiều sâu túi lưới chiếm 1,5 đường kính khung. Cán vợt bằng gỗ nhẹ hoặc bằng nhôm ống dài từ 1m – 1,5m.



+ Bướm thu thập được lấy nhẹ nhàng ra khỏi vợt, xếp cánh bướm dựng đứng trên thân và gói vào giấy. Động tác này làm cho bướm không đập cánh để các vảy phấn trên cánh bướm được giữ nguyên vẹn, điều này giúp cho màu sắc của bướm không phai.

### 2. Làm tiêu bản:

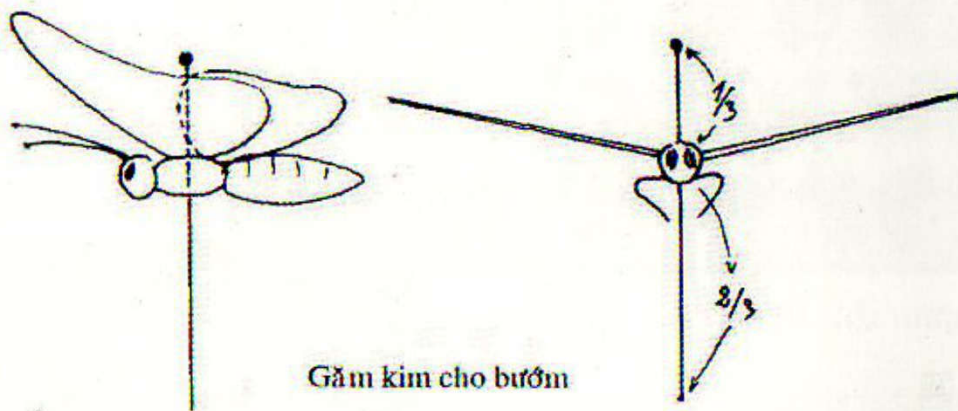
+ Bướm được lấy nhẹ nhàng ra khỏi giấy gói (Phải cẩn thận vì bướm có thể bay mặc dù thời gian lưu có thể cả tuần). Bướm được gây mê bằng ether (nếu có phương tiện), sau

đó găm kim vào giữa ngực (vị trí gốc cánh trước – kim được sử dụng không rỉ, bằng thép) thẳng góc với trục

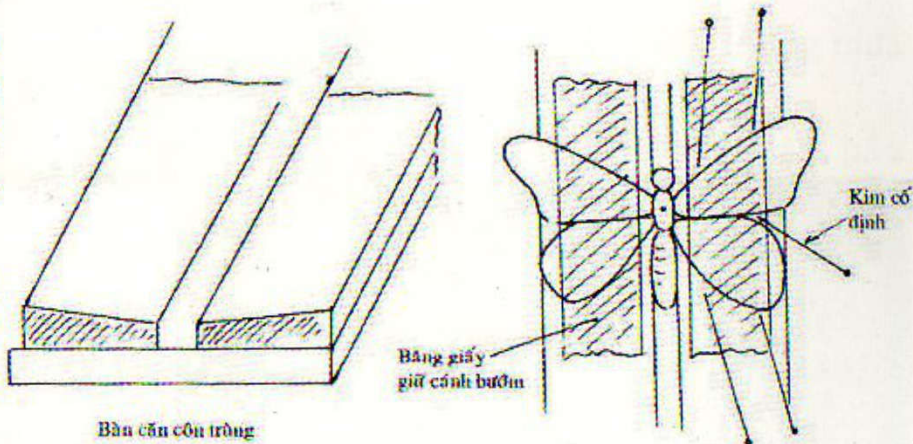
dài của thân. Cánh bướm được cố định (theo qui ước) trên bàn căng bằng cách dùng các băng giấy mỏng.

+ Bướm cùng bàn căng được đưa vào tủ sấy ở nhiệt độ khoảng 70°C trong vài ngày. Mẫu bướm sấy khô được

xếp vào hộp kín. Hộp phải có hóa chất diệt côn trùng (dạng bột, long não...) để bảo quản mẫu.



Găm kim cho bướm



Bàn căng côn trùng

Băng giấy giữ cánh bướm

Kim cố định

## PHƯƠNG PHÁP LƯU TRỮ TIÊU BẢN

Chúng ta có thể lưu trữ các tiêu bản sau khi đã xử lý xong trong các hộp đựng kín cùng với các chất chống ẩm và các chất diệt côn trùng khác (có thể sử dụng các muối khan trong các hộp mẫu sau khi đã đảm bảo là các hộp đã được dán kín).

Sau đây là một số hộp mẫu đã được thực hiện cho công tác giảng dạy tại trường Đại học Khoa học tự nhiên TP. Hồ Chí Minh.



## SƠ LƯỢC VỀ LÂM TRƯỜNG TÂN PHÚ

### 1. Diện tích – Ranh giới :

Đề tài này được tiến hành trên địa bàn Lâm trường Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai. Đó là khu vực nằm ở vùng gần trung tâm tỉnh Đồng Nai. Lâm trường Tân Phú được thành lập theo quyết định số 816/ QĐ – UBT ngày 01 tháng 07 năm 1978 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai, với diện tích 14.152,7 ha.

#### ❖ Tọa độ địa lý :

- + Từ  $107^{\circ}20' \div 107^{\circ}27'30''$  độ kinh đông.
- + Từ  $10^{\circ}02'32'' \div 11^{\circ}10'$  độ vĩ bắc.

### 2. Địa hình – Địa mạo :

- Đây là vùng đồi thấp – bán bình nguyên gợn sóng nhẹ.
- Dạng đồi thấp tập trung ở phía bắc và đông bắc lâm trường với độ cao trung bình  $100 \div 150\text{m}$ .
- Độ dốc không quá  $10^{\circ}$ .

### 3. Khí tượng – Thủy văn :

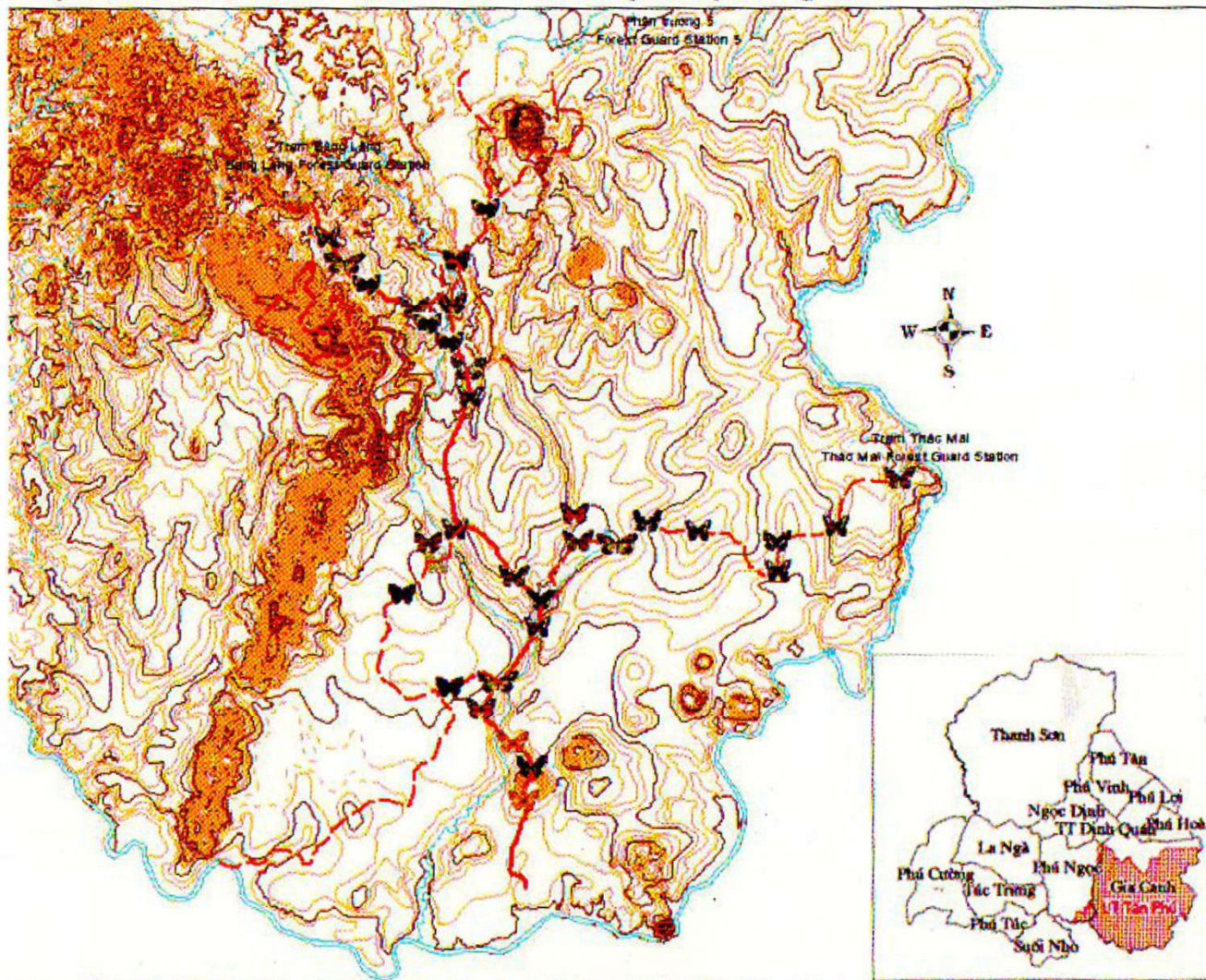
- Khí hậu của vùng mang đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới mưa mùa ở miền Đông Nam Bộ.
- Nhiệt độ trung bình  $26 \div 27^{\circ}\text{C}$ , cao nhất  $39,9^{\circ}\text{C}$ , thấp nhất  $12^{\circ}\text{C}$ ; chênh lệch nhiệt độ tháng nóng nhất (tháng 4) và lạnh nhất (tháng 12) từ  $3 \div 4^{\circ}\text{C}$ .
- Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11, trong đó 90% lượng mưa tập trung vào mùa này; bình quân tháng từ  $200 \div 300\text{mm}$ .
- Mùa khô khắc nghiệt kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, hầu như không mưa.
- Độ ẩm không khí trung bình năm từ  $80 \div 83\%$ ; cực đại 95% (tháng 9), thấp nhất 25% (tháng 3).
- Lượng mưa trung bình năm lớn từ  $2200 \div 2400\text{mm}/\text{năm}$ . Mưa phân bố không đều.

### 4. Đặc điểm hệ động - thực vật :

- Hệ động vật rất đa dạng với các loài thú (voi, khỉ...) và với hơn 150 loài chim (gõ kiến, gà đẫy, gà tiền mặt đo, gà so cổ hung...).

- Hệ thực vật khá phong phú, chủ yếu là các loài thuộc họ dầu, họ đậu, họ thêu dầu và họ cà phê.... Theo kết quả điều tra của Lâm trường Tân Phú thì ở đây có khoảng 200 loài cây gỗ.

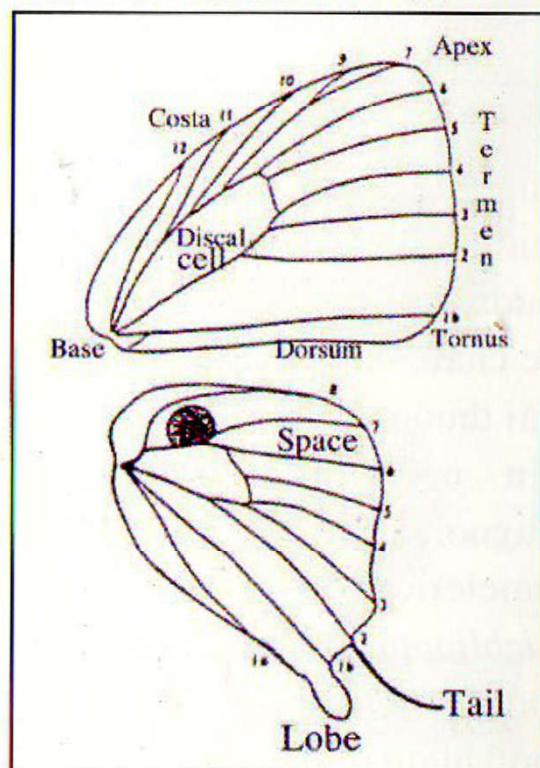
### SƠ ĐỒ PHÂN BỐ CÁC LOÀI BƯỚM THƯỜNG GẶP TẠI LÂM TRƯỜNG TÂN PHÚ - HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI




## MÔ TẢ


**Để thống nhất trong việc mô tả, chúng tôi tạm đề nghị các tên gọi sau:**

- Costa : bờ trước cánh.
- Termen : bờ ngoài cánh.
- Dorsum : bờ sau cánh.
- Base : gốc cánh.
- Apex : ngọn trước cánh.
- Tornus : ngọn sau cánh.
- Discal : vùng giữa cánh.
- Discal cell : ô cánh.
- Space : khoảng (giữa 2 gân cánh).
- Patch : mảng.
- Spot : điểm, đốm.
- Band : dải.
- Bar : thanh.
- Streak : sọc.
- Ocelle : đốm mắt.
- Tail : đuôi.
- Lobe : Thùy.





**Những chữ viết tắt và ký hiệu:**

 : rừng nhiệt đới.  
thực.

 : đất ngập nước.

♂ : con đực.

 : rừng trồng, rẫy trồng cây lương

 : đất trống, trảng cỏ.

♀ : con cái.

**Phân bố toàn cầu:**

1: Đặc hữu Đông Himalaya, Nam và Đông Nam Trung Hoa, Bắc Đông Dương tới cao nguyên miền Trung Việt Nam; 2: Lục địa Đông Nam Á; 3: Toàn bộ vùng Indo-Malaya; 4a: Vùng Indo-Malaya và Australia; 4b: Vùng cổ bắc, kéo dài tới vùng Indo-Malaya; 5a: Vùng nhiệt đới cực thế giới; 5b: Vùng toàn Bắc, kéo dài tới vùng Indo-Malaya; 6: Toàn thế giới.

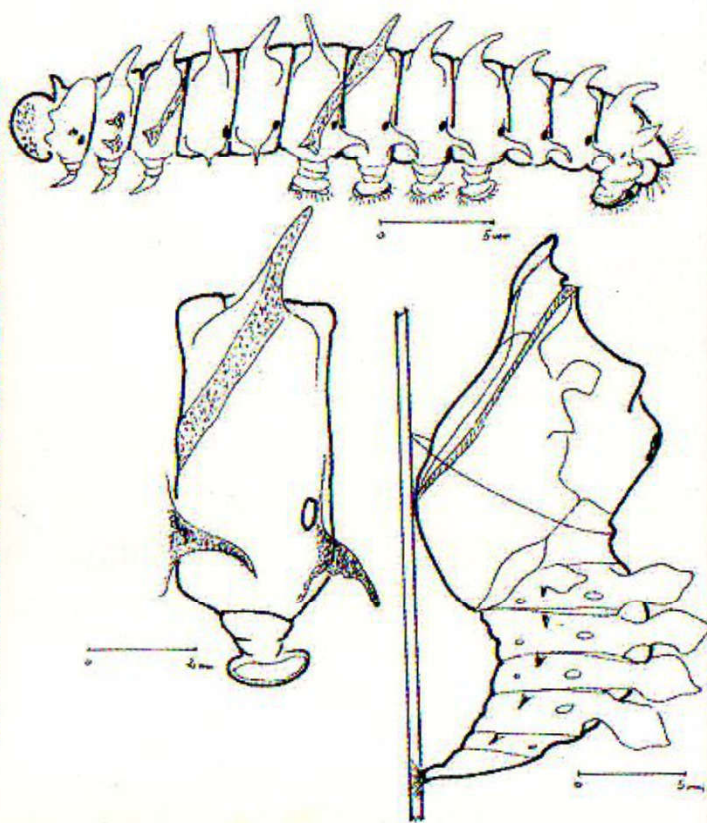
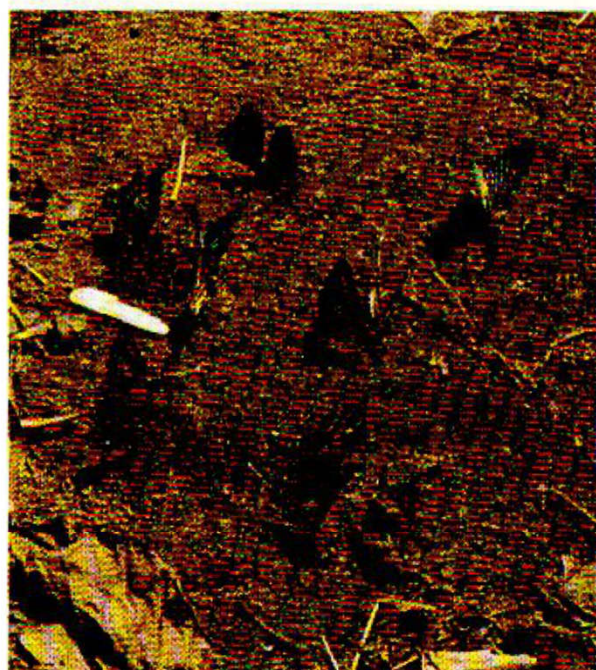
**Mức độ nguy cấp:**

EN = Endangered, VU = Vulnerable, NT = Near Threatened, LC = Least Concern, (IUCN Redlist 2004); E = Endangered, R = Rare, T = Threatened (Sách đỏ Việt Nam 2000);

## HỌ PAPILIONIDAE

Họ gồm khoảng 700 loài phân bố khắp thế giới. Tên thường gọi là bướm phượng, bướm én. Ở một số loài, cánh sau có đuôi. Đây là họ bướm đẹp, sặc sỡ có nhiều màu sắc: đỏ, vàng, xanh, trắng, đen... Bướm trưởng thành, xuất hiện nhiều vào mùa xuân (tháng 3, 4) và mùa thu (tháng 9, 10). Chúng thường tập trung những nơi ẩm thấp có nhiều chất khoáng. Kích thước thay đổi, sải cánh 25mm hoặc lớn hơn (bướm cái một số loài thuộc giống *Ornithoptera*, thường gặp ở vùng Úc châu, có kích thước lớn hoặc sải cánh không quá 50mm; ở một số loài thuộc giống *Lamprotera*, bướm này có đuôi nhỏ và rất dài).

Sâu non ăn trên lá cây thuộc họ Rutaceae, Annonaceae, Magnoliaceae... Sâu có da trơn láng, cơ quan tự vệ hình nang (y - osmetericum) ở mặt lưng của vùng trán. Ở một số giống *Troides*, *Pachliopta*, sâu có chứa chất độc, đây cũng là vũ khí tự vệ của sâu, độc chất có nguồn gốc từ cây chủ *Aristolochia* spp... Nhộng có hai chóp nhọn ở phía đầu. Có đai tơ ở lưng, đầu nhộng hướng lên trên.



Họ PAPILIONIDAE

Tên loài *Troides aeacus thomsoni*

Tác giả Bates

Tên tiếng Việt Bướm phượng cánh chim

Tên tiếng Anh Golden Birdwing

Bướm đực: Cánh trước đen với các sọc trắng đục hai bên gân cánh. Cánh sau vàng tươi – gân cánh to đen – sát rìa cánh có hàng đốm màu đen hình liềm, mép cánh có một hàng lông mịn. Bụng bướm có màu vàng tươi, lớn.  
 Bướm cái: Kích thước lớn, các sọc trắng ở ô cánh trước rõ hơn. Cánh sau có hai hàng đốm sát bờ cánh.



Sải cánh 130-150mm

Chúng thường bay rất cao vào lúc sáng và thấp dần khi nắng gắt. Bướm bị thu hút bởi các hoa có màu đỏ tươi (ngọc nữ đỏ – *Clerodendrum paniculatum* L. - Verbenaceae, búp đỏ – *Hibiscus rosa-sinensis* L. - Malvaceae).

- Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng cam, hình cầu đẹp, dính đơn độc mặt dưới sát mép lá. Sâu dài 45-63mm hình bầu dục. Sâu ăn lá cây họ Aristolochiaceae, mẫu thu được trên lá *Aristolochia tagala*. Nhộng dài 30-40mm màu vàng nhạt đến nâu sậm.

- Phân bố: Lục địa Đông Nam Á (2).

Rừng Tân Phú: Khu vực phân trường 1. Thường gặp ven đường vào khu vực rừng tái sinh.

Tình trạng nguy cấp: Danh lục IUCN, Sách Đỏ Việt Nam bậc E.





Sâu tuổi 4 (kích thước: 6,3cm).



Tháng thường gặp 2 & 5 – 10

Giờ thường gặp 10h – 15h

Môi trường sống 



|   |   |  |
|---|---|--|
| Họ PAPILIONIDAE   | Tên loài <i>Troides helena cerberus</i> | Tác giả C&M. Felder  |
| Tên tiếng Việt Bướm phượng Hêlen  | Tên tiếng Anh Common Birdwing           |  |
| <p>Bướm tương tự <i>Troides aeacus</i>, cánh trước có màu đen hơn và hàng đốm hình liềm, ô cánh sau nhỏ hơn nhiều, đốm sát bờ sau được kéo dài hơn. Bụng bướm có màu sậm hơn. Bướm cái có kích thước lớn hơn, hai hàng đốm bé hơn, so với bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng trước trưởng thành: Sâu non phát hiện trên lá cây họ Aristolochiaceae.</li> </ul> <p>Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).<br/>Rừng Tân Phú: Đường vào ngã ba Quân Y.<br/>Tình trạng nguy cấp: Danh lục IUCN, Sách Đỏ Việt Nam bậc E</p> |   |  <p>Sải cánh 120-140mm</p> |
| Tháng thường gặp cả năm   | Giờ thường gặp 10h - 15h                | Môi trường sống         |

|  |  |  |
|--|--|--|
| Họ PAPILIONIDAE  | Tên loài <i>Atrophaneura coon doubledayi</i> | Tác giả Wallace  |
| Tên tiếng Việt Bướm phượng bụng vàng   | Tên tiếng Anh Common clubtail                |  |
| <p>Bướm cái có nền cánh màu đen - cánh trước các sọc trắng hai bên gân cánh và ở trong ô cánh. Cánh sau có nhiều đốm trắng to ở vùng giữa cánh sát bìa bên, các đốm trắng hình liềm. Ở ngọn sau, đốm có màu đỏ. Đuôi cánh hẹp dài ở cuống, phình tròn to ở ngọn.</p> <p>Bướm cái có cánh sau to hơn, đuôi cánh ngắn, các đốm ở ngọn sau cánh màu đỏ lợt hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.</li> <li>Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).</li> </ul> <p>Rừng Tân Phú: Khu vực rừng trồng Tech, dọc theo những khoảng trống ven suối.</p> |  |  <p>Sải cánh 110-120mm</p> |
| Tháng thường gặp 1 & 4 - 12  | Giờ thường gặp 10h - 14h                     | Môi trường sống           |

|   |   |                                  |
|---|---|----------------------------------|
| Họ <b>PAPILIONIDAE</b>                      | Tên loài <b><i>Pachliopta aristolochiae</i></b> | Tác giả <b>Rothchild</b>         |
| Tên tiếng Việt <b>Bướm phượng thân hồng</b> |   | Tên tiếng Anh <b>Common Rose</b> |

Bướm đực: Đầu – bên ngực và bụng có màu đỏ. Vùng gốc cánh có màu đen. Nền cánh đen với những sọc trắng mờ khoảng giữa sau cánh trước. Ở cánh sau, 4-5 mảng trắng ở đỉnh ô cánh. Một hàng đốm hình liềm màu đỏ nhạt nằm sát bờ bên cánh. Đuôi cánh rộng – ngắn. Cả hai mặt của bướm gần như không khác nhau.

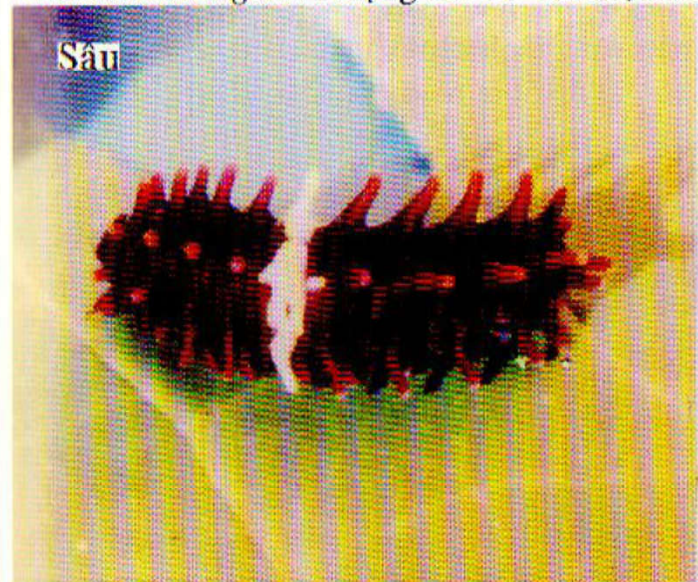


Sải cánh 80-100mm

Bướm cái tương tự bướm đực, nhưng màu đỏ ở đầu ngực

bụng rực rỡ hơn, cánh rộng hơn. Rất dễ lẫn lộn với *Papilio polytes*. Bướm thường xuất hiện rất sớm và bay thấp, thường bị hấp dẫn bởi các hoa có màu sắc sặc sỡ (đỏ). Vào mùa khô chúng thường tập trung thành bầy với các loài *Graphium* spp.

- Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng nghệ, chóp màu đỏ, trứng tròn có chóp gắn đơn độc ở mặt dưới lá sát mép. Sâu dài 30-40mm, màu tím đen ánh nhưng hình trụ dài. Sâu ăn lá họ Aristolochiaceae, sâu thu được trên lá *Aristolochia tagala*. Nhộng dài 30-40mm, màu nâu đen.



Sâu



Nhộng

- Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3) và một phần Nam và Đông Nam châu Á. Rừng Tân Phú: Khu vực rừng trồng phân trường 1, dọc theo những khoảng trống ven suối.

|                                |                                |                           |
|--------------------------------|--------------------------------|---------------------------|
| Tháng thường gặp <b>cả năm</b> | Giờ thường gặp <b>8h - 15h</b> | Môi trường sống <b>YY</b> |
|--------------------------------|--------------------------------|---------------------------|

**THU VIỆN TỈNH ĐÔNG NAI**  
**SÁCH TẶNG**

2021|0C|VV 001741

|                                |                                       |                            |
|--------------------------------|---------------------------------------|----------------------------|
| Họ PAPILIONIDAE                | Tên loài <i>Chilasa clytia clytia</i> | Tác giả Linnaeus           |
| Tên tiếng Việt Bướm nguy trang |                                       | Tên tiếng Anh Common Mmime |

Bướm đực (dạng dissimilis) có nền cánh màu đen với các mảng sọc tua ra từ gốc cánh. Ở cánh trước, các mảng trắng không liên tục tạo thành ba sọc kéo dài hết cánh, sát bờ cánh các đốm nhỏ rời rạc chạy dọc theo viền. Cánh sau có các mảng trắng lớn xếp theo hình vòng cung hướng vào gốc cánh, cuối mỗi mảng là một đốm nhỏ hình liềm, đốm ở ngọn sau màu vàng.



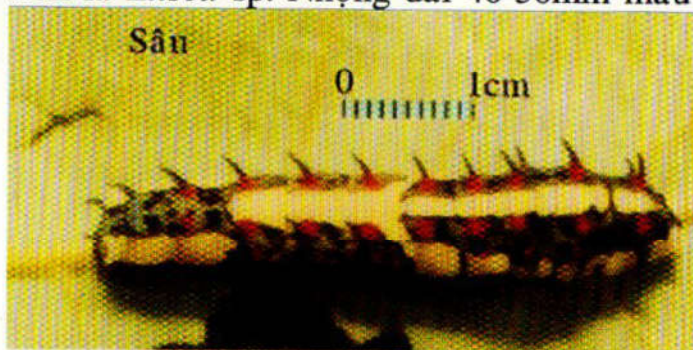
Bướm cái tương tự bướm đực nhưng các mảng lớn hơn.

Bướm đực (dạng clytia) có nền cánh màu nâu sậm ở gốc cánh, nhạt dần về phía bờ cánh ở cánh trước, có một hàng đốm trắng hình liềm sát bờ cánh. Ở cánh sau

Sải cánh 90- 120mm

có hai hàng đốm hình liềm, hàng đốm trong lớn và đỉnh nhọn hướng vào trong, hàng đốm ngoài có đốm ở ngọn sau màu vàng; bướm cái tương tự bướm đực. Ngoài ra bướm còn có nhiều dạng khác nữa: Janus, papone, onpape, dissimillia. Loài bướm này bắt chước theo hình dạng những loài khác.

- Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng hình cầu đều đặn, trứng gắn đơn độc ở ngọn lá, mặt trên lá non còn búp. Sâu dài 45-50mm có màu đỏ nâu rất sặc sỡ tạo thành các mảng màu phức tạp khắp thân. Sâu ăn lá họ Lauraceae, mẫu thu được trên lá *Litsea* sp. Nhộng dài 40-50mm màu xám nâu thân dài như một cành khô.




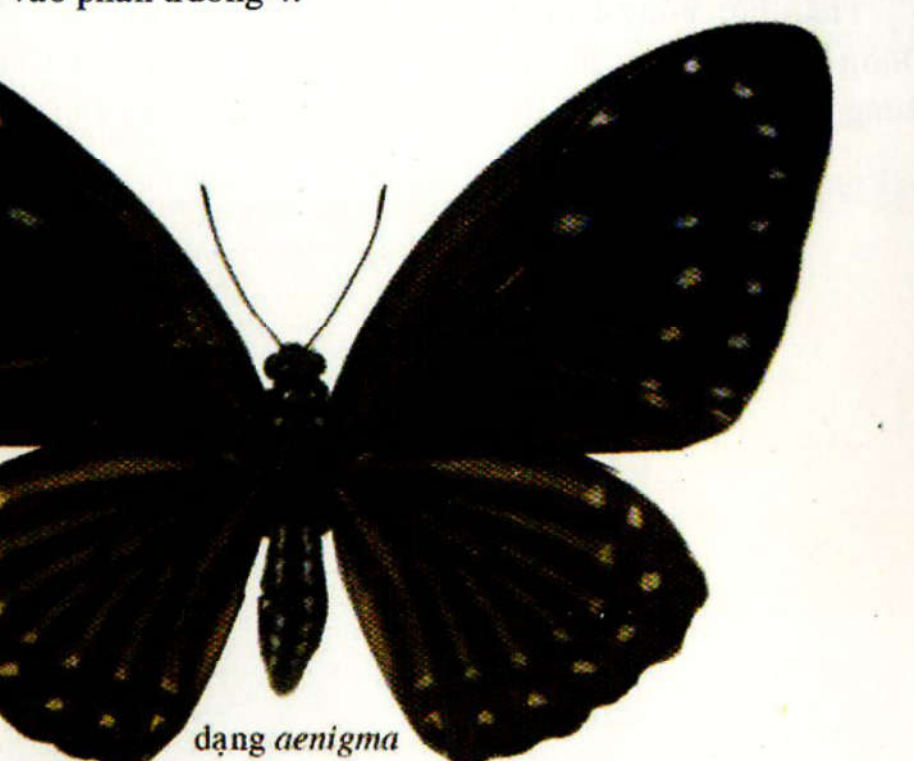

- Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). Bướm phân bố rất rộng trong các vườn cây cam, chanh.

Rừng Tân Phú: Nơi trồng trái gần khu dân cư.

Tháng thường gặp 4 - 12

Giờ thường gặp 9h - 15h

Môi trường sống

|   |  |   |
|---|--|---|
| Họ PAPILIONIDAE   | Tên loài <i>Chilasa paradoxa aenigma</i>   | Tác giả Wallace   |
| Tên tiếng Việt  |  | Tên tiếng Anh Great blue mime   |
| <p>Bướm đực có cánh trước màu xanh biếc với hai hàng đốm sít bờ bên cánh, hàng giữa màu trắng, hàng trong biếc xanh. Cánh sau màu nâu nhạt, không có đốm.</p> <p>Bướm cái có nền cánh xanh biếc, hàng đốm trắng sít bờ ở cả hai cánh. Ở cánh trước, nhiều đốm trắng tạo thành mảng ở ngọn ô cánh. Ở cánh sau, các sọc trắng tỏa ra từ gốc cánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.</li> <li>• Phân bố:</li> </ul> <p>Rừng Tân Phú: Đường vào phân trường 4.</p> |  <p>dạng <i>aegialus</i></p> | <p>Sải cánh 120 - 130mm</p>   |
|   |  |  <p>dạng <i>aenigma</i></p> |
| Tháng thường gặp 5 - 7 & 12   | Giờ thường gặp 10h - 13h   | Môi trường sống            |

Họ PAPILIONIDAE

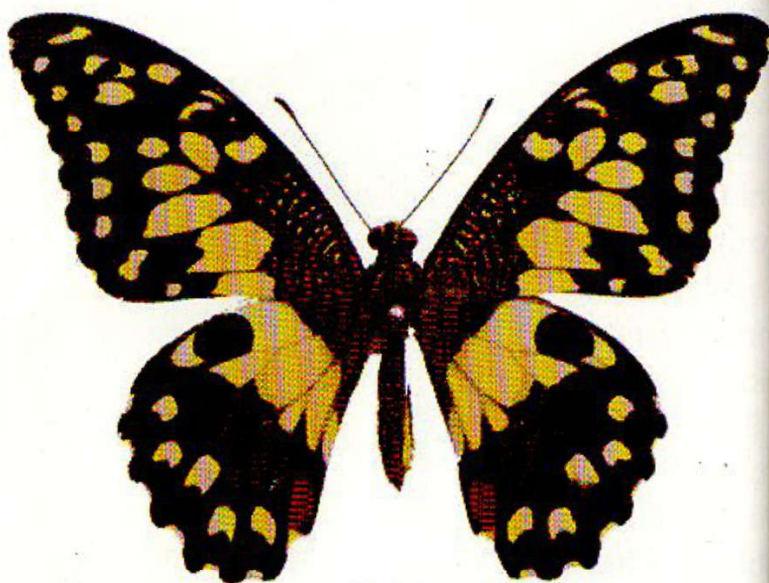
Tên loài *Papilio demoleus malayanus*

Tác giả Wallace

Tên tiếng Việt Bướm phượng cam

Tên tiếng Anh Lime butterfly

Bướm có nền cánh đen với nhiều đốm, mảng lớn – nhỏ màu vàng rải rác tạo thành dải, gốc cánh trước có nhiều vết thật nhỏ màu vàng xếp thành hàng phía trong ô cánh. Các đốm vàng không đồng đều chạy thành một hàng dọc gần bờ cánh ở cả hai cánh. Ở cánh sau, gần ngọn trước có một đốm đen lớn và một đốm ở ngọn sau. Bướm cái tương tự bướm đực.



Sải cánh 80-100mm

- Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng xanh hình cầu đẹp, đính đơn độc ngay ngọn mép lá ở mặt dưới. Sâu dài 50-55mm hình trụ. Sâu có hai dạng: Tuổi 1-2 màu nâu vàng, thân nhầy nhớt. Tuổi 3-4-5 màu vàng – nâu sậm. Sâu ăn lá họ Rutaceae, mẫu thu được trên lá cây *Citrus* spp. Nhộng dài 40-50mm màu xanh đọt chuối.

- Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia, phổ biến ở Srilanca, Ấn Độ đến Đông Dương và một số đảo thuộc quần đảo Sanda, Tân Ghinê, Australia.

Rừng Tân Phú: Khu vực trồng trồng cam, chanh gần khu dân cư.



Tháng thường gặp cả năm

Giờ thường gặp 9h – 14h

Môi trường sống

Họ PAPILIONIDAE

Tên loài *Papilio demolion demolion*

Tác giả Cramer

Tên tiếng Việt

Tên tiếng Anh Burmese Banded Swallowtail

Bướm có nền cánh đen nâu. Vùng giữa cánh có một băng màu vàng xanh gồm nhiều đốm liên kết kéo dài từ ngọn trước cánh trước đến bờ sau cánh sau. Sát bờ bên cánh sau có một dải đốm hình liềm vàng xanh. Đốm mắt đỏ ở ngọn sau cánh. Cánh sau có đuôi nhọn dài. Bướm cái tương tự bướm đực.



Sải cánh 80-100mm

- Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng hình cầu, trứng để chồng lên nhau thành 1 dãy từ 5-9 trứng ở cạnh cuốn lá. Sâu dài 40-45mm hình trụ màu xanh lam hơi hồng. Sâu ăn trên lá họ Rutaceae, mẫu thu được trên lá *Acronychia pedunculata* Roxb. Nhộng dài 35-40mm, màu xanh lá cây ngả sang xám.
  - Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia.
- Rừng Tân Phú: Các khoảng trống của các suối, trồng cây bụi gần phân trường 1.



Tháng thường gặp cả năm

Giờ thường gặp 9h - 15h

Môi trường sống



|                               |   |                         |
|-------------------------------|---|-------------------------|
| Họ PAPILIONIDAE               | Tên loài <i>Papilio helenus helenus</i> | Tác giả Linnaeus        |
| Tên tiếng Việt Bướm Hê-len đỏ |   | Tên tiếng Anh Red helen |

Bướm có nền cánh màu đen tuyền với 3 đốm trắng lớn vùng giữa cánh sau. Cánh trước với các sọc trắng mờ nằm hai bên gân cánh ở khoảng  $\frac{1}{2}$  cánh. Bìa cánh sau gợn sóng. Có đuôi ngắn rộng. Mặt dưới bướm có màu nhạt hơn. Cánh sau với các đốm mắt màu đỏ tạo thành hai hàng nằm dọc theo bờ cánh.

Bướm cái tương tự bướm đực nhưng có kích thước lớn hơn và màu cánh cũng nhạt hơn.

- Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.
- Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia.



Rừng Tân Phú: Khu vực trắng cây bụi ven đường vào Thác Mai.



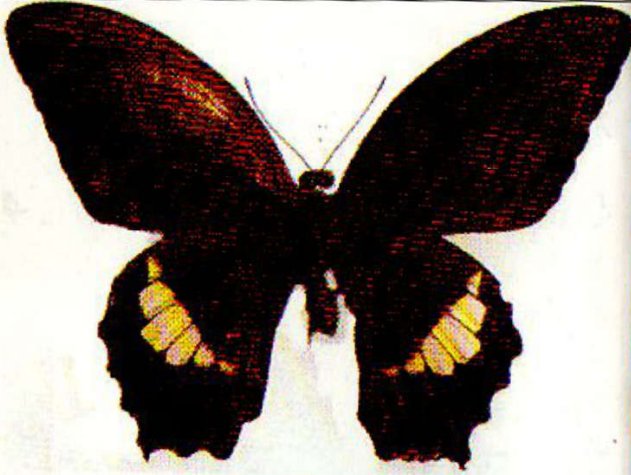

Sải cánh 100-120mm





|   |   |   |
|---|---|---|
| Họ PAPHILIONIDAE  | Tên loài <i>Papilio mahadeva mahadeva</i> | Tác giả Moore   |
| Tên tiếng Việt  |   | Tên tiếng Anh Burmese Raven   |
| <p>Bướm có nền cánh màu đen tuyền, một đốm trắng ở cuối ô cánh. Cánh sau có một các mảng trắng chạy theo vòng cung hướng vào trong sát bờ cánh, cuối sau mỗi mảng là một đốm hình liềm. Bờ cánh sau gợn sóng.</p> <p>Bướm cái có màu nhạt hơn và có các sọc mờ nằm hai bên gân cánh ở cánh trước.</p> |   |   |
|   |   |   |
|   |   |   |
| <p>Sải cánh 90 – 110mm</p>  |   |   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.</li> <li>• Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).</li> </ul> <p>Rừng Tân Phú: Suối đá đường vào Thác Mai.<br/>                 Tình trạng nguy cấp: Danh lục IUCN.</p>   |   |   |
| Tháng thường gặp 4 – 9  | Giờ thường gặp 10h – 15h                  | Môi trường sống  |

|  |                                   |   |
|--|-----------------------------------|---|
| Họ PAPHILIONIDAE   | Tên loài <i>Papilio hipponous</i> | Tác giả Elwes & Nicéville   |
| Tên tiếng Việt   |                                   | Tên tiếng Anh Banded Mormon   |
| <p>Bướm có nền cánh màu đen tuyền. Cánh sau mang bảy mảng trắng không đồng đều chạy dọc theo khu vực giữa cánh ngay sau ô cánh. Mặt dưới bướm có màu nhạt hơn, bờ sau cánh sau có một đốm mắt màu đỏ. Bờ cánh sau gợn sóng; một hàng các mảng nhỏ màu vàng bao quanh bờ cánh, đuôi cánh ngắn – rộng. Bướm cái chưa rõ.</p> |                                   |   |
|    |                                   |   |
| <p>Sải cánh 60-80 mm</p>   |                                   |   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.</li> <li>• Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).</li> </ul> <p>Rừng Tân Phú: Phân trường 4, ven đường mòn lớn.</p>   |                                   |   |
| Tháng thường gặp 6 – 9   | Giờ thường gặp 10h – 14h          | Môi trường sống  |



|   |                                   |   |
|---|-----------------------------------|---|
| Họ PAPILIONIDAE   | Tên loài <i>Papilio prexaspes</i> | Tác giả Rothschild  |
| Tên tiếng Việt  |                                   | Tên tiếng Anh Blue Helen  |
| <p>Bướm có nền cánh màu nâu đen, đôi chỗ ánh nâu. Cánh sau mang bốn đốm trắng vùng giữa cánh ở các khoảng 3-4-5-6. Các đốm nhỏ hơn tiếp theo sau tạo thành một dải cong ở vùng giữa cánh. Bờ cánh sau gợn sóng, đuôi cánh ngắn - rộng. Mặt dưới tương tự mặt trên.</p> <p>Bướm cái tương tự như bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.</li> <li>• Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).</li> </ul> <p>Rừng Tân Phú: Đường mòn lớn phân trường 4.</p> |                                   |  <p>Sải cánh 100 mm</p> |
| Tháng thường gặp 6 - 8  | Giờ thường gặp 12h - 14h          | Môi trường sống        |

|  |                                     |  |
|--|-------------------------------------|--|
| Họ PAPILIONIDAE  | Tên loài <i>Papilio paris paris</i> | Tác giả Linnaeus   |
| Tên tiếng Việt Bướm phượng Pari  |                                     | Tên tiếng Anh Paris peacock  |
| <p>Bướm có màu đen với nhiều vết ánh xanh kim loại ở khu vực giữa cánh, phần ngọn cánh có màu nhạt hơn. Cánh sau có nhiều đốm màu xanh ánh kim hợp thành mảng ở vùng giữa cánh (khoảng 4-6), ngọn sau cánh có đốm mắt màu đỏ son. Đuôi cánh rộng - dài.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dạng trước trưởng thành: Sâu ăn trên cây họ Rutaceae, giống <i>Citrus</i> spp. hoang.</li> <li>• Phân bố: Lục địa Đông Nam Á (2).</li> </ul> <p>Rừng Tân Phú: Đường mòn lớn vào Thác Mai, khu vực phân trường 4.</p> |                                     |  <p>Sải cánh 100-120mm</p> |
| Tháng thường gặp 3 & 6 - 12  | Giờ thường gặp 10h - 15h            | Môi trường sống           |

Họ PAPILIONIDAE

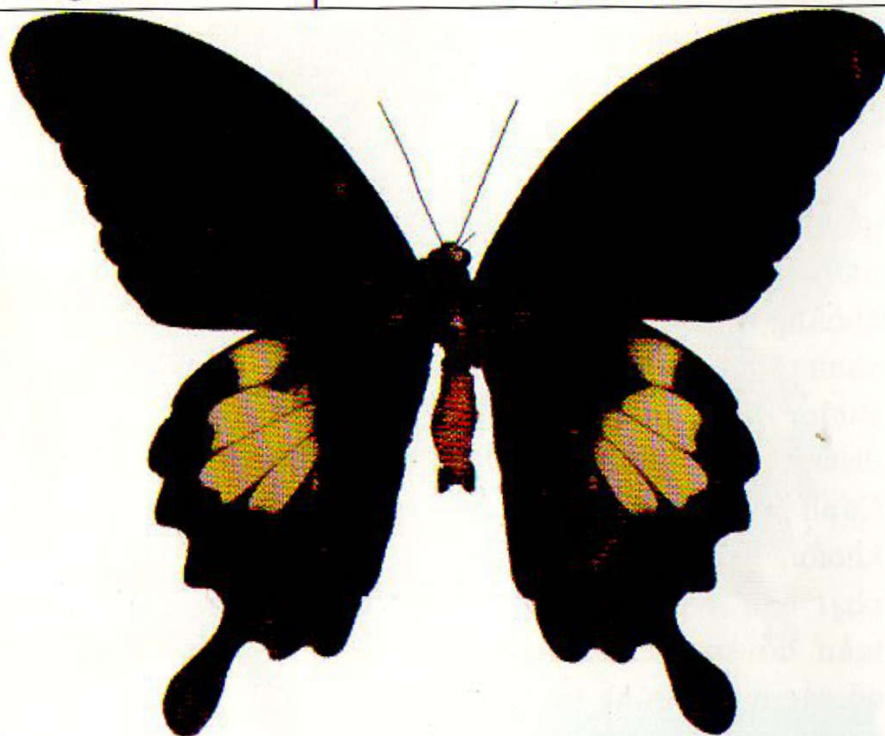
Tên loài *Papilio nephelus chaon*

Tác giả Corbet

Tên tiếng Việt Bướm Hê-len vàng

Tên tiếng Anh Yellow helen

Bướm có nền cánh màu đen tuyền, đôi chỗ ánh nâu, vài đốm trắng nhỏ ở cuối các gân từ gân số 1 - 5. Cánh sau mang bốn đốm trắng vùng giữa cánh ở các khoảng 4-5-6-7. Bờ cánh sau gợn sóng, sát bờ cánh có một hàng đốm hình liềm màu vàng chạy dọc theo bờ cánh, phía ngoài là một hàng đốm màu trắng chạy song song, đuôi cánh ngắn - rộng. Vào mùa khô chúng tập trung thành nhóm ven các khoảng trống có nước ven suối.



Sải cánh 110-130mm

Bướm cái tương tự như bướm đực.

- Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.
- Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).

Rừng Tân Phú: Trảng cây bụi ven đường mòn, suối.



Tháng thường gặp cả năm

Giờ thường gặp 9h - 15h

Môi trường sống 

|   |  |  |
|---|--|--|
| Ho PAPILIONIDAE   | Tên loài <i>Papilio memnon agenor</i>  | Tác giả Linnaeus   |
| Tên tiếng Việt Bướm phượng lớn  |  | Tên tiếng Anh Great mormon   |
| <p>Bướm đực và cái rất khác biệt. Bướm cái có nhiều dạng. Bướm đực có màu xanh đen, phần gốc cánh có màu đỏ tươi. Ở cánh sau, các khoảng giữa gân màu xanh rõ hơn.</p> <p>Bướm cái dạng distantianus – rothchild. Cánh trước nâu nhạt – khoảng giữa gân màu nhạt hơn – gốc ô cánh màu đỏ son. Cánh sau có các mảng trắng trong khoảng 1-6, sát bìa bên cánh các đốm lớn màu đen, các đốm trong khoảng 1-3 có viền đỏ nhạt.</p>  |  | <p>Sải cánh 120-150mm</p>  |
| <p>Bướm cái dạng Agenor – Linnaeus. Không có đuôi, các đốm trong khoảng 1 - 5 có kích thước nhỏ, bờ bên cánh viền đen, gân giống với bướm đực. Khi đậu bướm thường dang rộng cánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dạng trước trưởng thành: Trứng màu xanh nhạt hình cầu đẹp nhưng không đều, dính đơn độc ở mặt dưới lá ngay ngọn hay sát mép lá. Sâu dài 50-55mm, sâu ăn lá họ Rutaceae, mẫu thu được trên <i>Citrus grandis</i>. Nhộng dài 45-50mm màu xanh lục.</li> <li>• Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).</li> </ul> <p>Rừng Tân Phú: Khu vực vườn rừng, gần khu dân cư.</p> |  |  |
| Tháng thường gặp cả năm   | Giờ thường gặp 9h – 15h  |  |

Họ PAPILIONIDAE

Tên loài *Papilio polytes romulus*

Tác giả Cramer

Tên tiếng Việt Bướm cam đuôi dài

Tên tiếng Anh Common mormon

Bướm có nền cánh màu đen – bìa bên cánh trước có nhiều đốm trắng – bờ cánh sau gợn sóng có đuôi. Cánh sau – hàng đốm trắng tạo mảng ở vùng giữa cánh kéo dài từ giữa bờ trước đến giữa bờ sau. Có đốm mắt đỏ nhạt ở ngọn sau.

Bướm cái có cánh trước đen ở phần gốc cánh, phần còn lại mang nhiều sọc trắng ở hai bên gân cánh. Cánh sau có năm mảng trắng vàng ở giữa cánh, sát bờ bên có hàng đốm hình liềm màu đỏ.

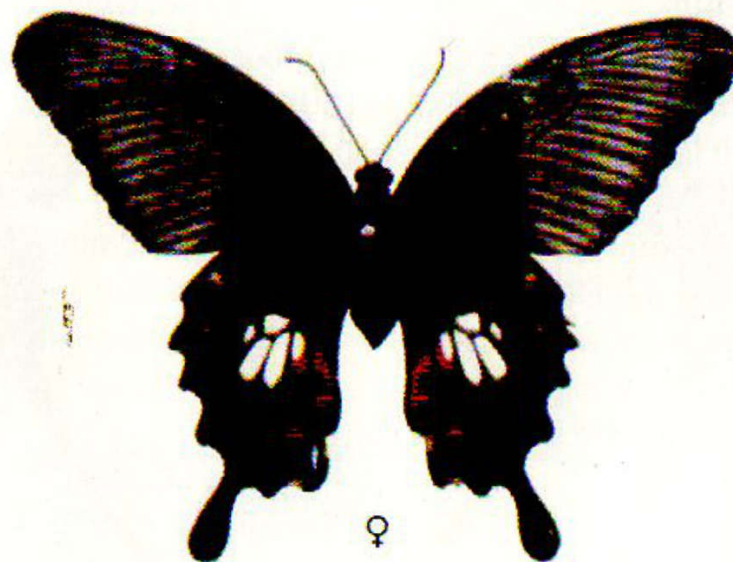
- Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng xanh hình cầu đẹp đính đơn độc mặt dưới lá phần lớn ở sát mép. Sâu dài 50-55mm hình trụ dài. Sâu ăn lá Rutaceae, mẫu thu được trên lá *Glycosmis cochinchinensis*. Nhộng dài 40-50mm màu xanh lá.

- Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).

Rừng Tân Phú: Vườn rừng trồng cây họ Rutaceae, gần khu dân cư.





Sải cánh 90-100mm






Tháng thường gặp **Cả năm**

Giờ thường gặp **8h – 15h**


Môi trường sống **chợ, chợ**

|  |   |   |
|--|---|---|
| Họ PAPILIONIDAE  | Tên loài <i>Papilio protenor euprotenor</i>   | Tác giả Fruhstorfer   |
| Tên tiếng Việt   | Tên tiếng Anh Dark Mormon   |   |
| <p>Bướm có nền cánh màu xanh đen. Giống Papilio memnon. Chỉ khác ở gốc bờ trước cánh sau có một mảng màu xanh nhạt (đốt chuối). Mặt dưới bướm có các đốm mắt-màu đỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.</li> </ul> |   |   |
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân bố: Lục địa Đông Nam Á (2). Rừng Tân Phú: Đường mòn lớn khu vực phân trường 4.</li> </ul> | Sải cánh 80-90mm  |
| Tháng thường gặp 6 - 8 & 12  | Giờ thường gặp 10h - 14h  | Môi trường sống  |

|   |                                  |   |
|---|----------------------------------|---|
| Họ PAPILIONIDAE   | Tên loài <i>Lamprotera meges</i> | Tác giả Batler  |
| Tên tiếng Việt Bướm rồng đuôi xanh  | Tên tiếng Anh Green dragontain   |   |
| <p>Bướm có nền cánh đen với khoảng trống suốt phía sau ô cánh trước. Cánh trước và sau có băng hẹp dài màu xanh lá cây ở vùng giữa cánh. Cánh sau có đuôi hẹp dài, một viền trắng nhỏ bao quanh cánh sau. Bướm thường tập trung thành đàn (từ 5 - 10 cá thể) tại hai bên bờ suối.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.</li> <li>Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). Rừng Tân Phú: Gặp quanh các bãi lầy - ẩm ướt.</li> </ul> |                                  |   |
|   |                                  |                   |
|   |                                  | Sải cánh 35-45mm  |
| Tháng thường gặp cả năm   | Giờ thường gặp 9h - 14h          | Môi trường sống  |

|  |                                    |   |
|--|------------------------------------|---|
| Họ PAPILIONIDAE  | Tên loài <i>Graphium agamemnon</i> | Tác giả Linnaeus  |
| Tên tiếng Việt Bướm đuôi chim  | Tên tiếng Anh Tailed Jay           |   |
| <p>Bướm đực có nền cánh màu đen với các đốm – sọc màu xanh lá cây. Các đốm gần như xếp thành bốn hàng từ bờ trước đến bờ bên cánh. Ở hàng giữa các đốm có kích thước lớn dần về gốc cánh. Cánh sau có các đốm ở gốc cánh dính liền thành sọc.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực nhưng kích thước lớn và đuôi cánh dài hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng trước trưởng thành: Trứng màu xanh lục tròn đều, nằm ở mặt dưới ngọn lá, ít khi ở mép lá. Sâu dài 30-35mm hình trụ không đều, sâu ăn lá họ</li> </ul> <p>Annonaceae, Magnoliaceae. Nhộng dài 25-30mm màu xanh lá.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia.</li> </ul> <p>Rừng Tân Phú: Phân bố khắp nơi trong lâm trường.</p> |                                    |   |
| Tháng thường gặp cả năm  | Giờ thường gặp 9h – 15h            | Môi trường sống  |



|   |  |                |
|---|--|----------------|
| Họ PAPILIONIDAE   | Tên loài <i>Graphium antiphates itamputi</i> | Tác giả Batler |
| Tên tiếng Việt Bướm đuôi kiếm   | Tên tiếng Anh Five bar swordtail             |                |
| <p>Bướm có nền cánh màu trắng vàng với các sọc đen. Ở bướm đực, cánh trước có nhiều sọc đen ở bờ trước và bờ bên. Cánh sau, bờ bên hơi gợn sóng và đuôi cánh có màu đen.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ.</li> <li>Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).</li> </ul> <p>Rừng Tân Phú: Ven suối, đường mòn lớn.</p> |  |                |
| <div style="background-color: #00aaff; color: white; padding: 5px; display: inline-block;">Sải cánh 80-90mm</div>   |  |                |
|   |  |                |